TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63** /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/12 /2017
V/v TC Không công nhận vợ chồng và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Lệ Thúy**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn**
2. Ông **Huỳnh Quốc Quy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Linh Đa**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14/12/2017, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 356/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2017 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng và chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/11/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Vào năm 1989, bà H và ông T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Võ Thanh Đông A, sinh năm 1989, Võ Thanh Đông E, sinh năm 1992 và Võ Thị Yến N, sinh năm 1998. Do ông T ghen tuông, đánh đập bà H nhiều lần nên không

thể tiếp tục chung sống với nhau. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng ly thân đã 08 tháng nay, nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung gồm có: Cha mẹ ruột cho 02 thửa đất đã bán cho ông Nguyễn Thành A1 (trú tại Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng) và ông Lê Văn N (cán bộ UBND xã K1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng). Hiện nay, ông A1 và ông N còn nợ 155.000.000 đồng, bà H đồng ý giao lại cho ông T và các con. Chiếc xe honda hiệu Airblabe BKS 83C1-258.35 do bà H đứng tên, bà yêu cầu ông H giao lại cho bà.

Vào ngày 23/11/2017 bà H có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện có nội dung: Không yêu cầu giải quyết về tài sản theo đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu đơn khởi kiện như trong đơn đã nộp.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn T trình bày: Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới, ông bà có 03 người con, như bà H trình bày. Việc bà H cho rằng chung sống không hạnh phúc từ ngày về chung sống với ông là không đúng. Ông bà chung sống hạnh phúc từ năm 1989 cho đến hơn 01 năm nay thì bà H có quan hệ với người khác, nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, sau đó thì bà H bỏ nhà đi nơi khác. Nay bà H yêu cầu công nhận ông và bà H không phải là vợ chồng, ông không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1989, bà H và ông T chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay bà H yêu cầu công nhận bà và ông T không phải là vợ chồng, còn ông T thì không đồng ý yêu cầu của bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đồng thời phải đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ở đây bà H và ông T chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn, vì vậy quan hệ chung sống của bà H và ông T không được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng, quan hệ chung sống của bà H và ông T chỉ được thừa nhận là quan hệ chung sống như vợ chồng. Việc bà H yêu cầu công nhận bà H và ông T không phải là vợ chồng là có căn cứ, cần được chấp nhận. Còn ông T thì không đồng ý với yêu cầu của bà H. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà H và ông T có 03 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung : Bà H đã rút một phần đơn khởi kiện có nội dung không yêu cầu giải quyết về tài sản như trong đơn đã khởi kiện, ông T không có yêu cầu giải quyết về tài sản, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà H và ông T không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

TUYÊN XỬ:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, tuyên bố bà Lê Thị H và ông Võ Văn T không phải là vợ chồng.

2.Về tài sản: Chấp nhận yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản như đơn khởi kiện. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc giải quyết về tài sản chung gồm: Số tiền 155.000.000 đồng mà ông Nguyễn Thành A1 và ông Lê Văn N còn nợ ông bà; 01 chiếc xe honda hiệu Airblabe BKS 83C1- 258.35.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Lê Thị H phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009352 ngày 23/10/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu. Bà Lê Thị H được nhận lại 700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp thừa từ Biên lai thu tạm ứng án phí nêu trên. (Bà H đã nộp xong án phí)

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND - THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Lệ Thúy